Số: 564/TB-UBND
Thời gian ký: 2026-09-14T16:12:34+07:00

Phụ lục 2.5

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
Nhóm các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /8/2026 của UBND phường Quyết Thắng)

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
I		**Lĩnh vực Bồi thường nhà nước**			
1	1	2.002191	Phục hồi danh dự (cấp tỉnh)	1539/QĐ-BTP	
2	2	2.002.192	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp tỉnh)	1539/QĐ-BTP	
II		**Lĩnh vực Chứng thực**			
3	1	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	858/QĐ-BTP	
III		**Lĩnh vực Công chứng**			
4	1	3.000444	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	1859/QĐ-BTP	
5	2	1.013859	Cấp thẻ công chứng viên	1859/QĐ-BTP	
6	3	1.013853	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán	1859/QĐ-BTP	
7	4	1.013856	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày 01/7/2025	1859/QĐ-BTP	
8	5	1.013849	Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	1859/QĐ-BTP	
9	6	1.013843	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	1859/QĐ-BTP	
10	7	1.013848	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp	1859/QĐ-BTP	
11	8	1.013842	Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	1859/QĐ-BTP	
12	9	1.013837	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng	1859/QĐ-BTP	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
13	10	1.013846	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng	1859/QĐ-BTP	
14	11	1.013836	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	160/QĐ-BTP	
15	12	1.013839	Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	1859/QĐ-BTP	
16	13	1.013852	Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân	1859/QĐ-BTP	
17	14	1.013840	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	1859/QĐ-BTP	
18	15	1.013835	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	1859/QĐ-BTP	
19	16	1.013818	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	160/QĐ-BTP	
20	17	1.013830	Cấp lại Thẻ công chứng viên	1859/QĐ-BTP	
21	18	1.013834	Thành lập Văn phòng công chứng	1859/QĐ-BTP	
22	19	1.013832	Thu hồi Thẻ công chứng viên	1859/QĐ-BTP	
23	20	1.01381	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1859/QĐ-BTP	
24	21	1.013807	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	1859/QĐ-BTP	
25	22	1.013812	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	1859/QĐ-BTP	
26	23	1.013806	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	2009/QĐ-BTP	
27	24	1.013808	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	1859/QĐ-BTP	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
28	25	1.013816	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	1859/QĐ-BTP	
29	26	1.013805	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	2009/QĐ-BTP	
30	27	1.013803	Bổ nhiệm công chứng viên	857/QĐ-BTP	
31	28	1.013804	Bổ nhiệm lại công chứng viên	2009/QĐ-BTP	
IV		**Lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm**			
32	1	1.011441	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	570/QĐ-BTP	
33	2	1.011442	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	570/QĐ-BTP	
34	3	1.011444	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	570/QĐ-BTP	
35	4	1.011443	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	570/QĐ-BTP	
36	5	1.011445	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	570/QĐ-BTP	
V		**Lĩnh vực Đấu giá tài sản**			
37	1	2.002139	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	1458/QĐ-BTP	
38	2	2.001225	Phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến	1458/QĐ-BTP	
39	3	1.003915	Cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá	1458/QĐ-BTP	
40	4	1.000802	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá	1458/QĐ-BTP	
VI		**Lĩnh vực Giám định tư pháp**			
41	1	2.000890	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	524/QĐ-BTP	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
42	2	2.000894	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp cấp tỉnh	524/QĐ-BTP	
43	3	2.000823	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	524/QĐ-BTP	
44	4	2.000555	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp	862/QĐ-BTP	
45	5	2.000568	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	862/QĐ-BTP	
46	6	1.009832	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh	862/QĐ-BTP	
47	7	1.001216	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	862/QĐ-BTP	
48	8	1.001122	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh	862/QĐ-BTP	
49	9	1.001117	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	862/QĐ-BTP	
VII		**Lĩnh vực Hộ tịch**			
50	1	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	163/QĐ-BTP	
51	2	2.000635	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	163/QĐ-BTP	
VIII		**Lĩnh vực Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp**			
52	1	1.005464	Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	523/QĐ-BTP	
IX		**Lĩnh vực Hòa giải thương mại**			
53	1	2.001716	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	1940/QĐ-BTP	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
54	2	2.000515	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	1940/QĐ-BTP	
55	3	1.009283	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài (cấp tỉnh)	1940/QĐ-BTP	
56	4	1.009284	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	1940/QĐ-BTP	
57	5	1.008910	Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	1940/QĐ-BTP	
58	6	1.008916	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh	1940/QĐ-BTP	
59	7	1.008914	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	1940/QĐ-BTP	
60	8	1.008909	Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài	1940/QĐ-BTP	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
61	9	1.008915	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập	1940/QĐ-BTP	
62	10	1.008911	Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	1940/QĐ-BTP	
63	11	1.008913	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được cấp Giấy phép thành lập	1940/QĐ-BTP	
64	12	1.008908	Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	1940/QĐ-BTP	
65	13	1.008907	Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại	1940/QĐ-BTP	
X		**Lĩnh vực Luật sư**			
66	1	1.002099	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	1262/QĐ-BTP	
67	2	1.008624	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	517/QĐ-BTP	
68	3	1.008628	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	517/QĐ-BTP	
69	4	1.008709	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	517/QĐ-BTP	
70	5	1.008614	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư	1852/QĐ-BTP	
71	6	1.002398	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	517/QĐ-BTP	
72	7	1.002368	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	1262/QĐ-BTP	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
73	8	1.002384	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	517/QĐ-BTP	
74	9	1.002181	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	1262/QĐ-BTP	
75	10	1.002218	Hợp nhất công ty luật	517/QĐ-BTP	
76	11	1.002198	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	517/QĐ-BTP	
77	12	1.002234	Sáp nhập công ty luật	517/QĐ-BTP	
78	13	1.002153	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	1262/QĐ-BTP	
79	14	1.002032	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	517/QĐ-BTP	
80	15	1.002055	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	517/QĐ-BTP	
81	16	1.002010	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	1262/QĐ-BTP	
82	17	1.002079	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	517/QĐ-BTP	
83	18	1.001928	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài	517/QĐ-BTP	
84	19	1.000688	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	517/QĐ-BTP	
85	20	1.000828	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	517/QĐ-BTP	
XI		**Lĩnh vực Nuôi con nuôi**			
86	1	1.003976	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	361/QĐ-BTP	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
87	2	1.004878	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	361/QĐ-BTP	
88	3	1.003198	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	361/QĐ-BTP	
89	4	1.003179	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	1848/QĐ-BTP	
90	5	1.003160	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	361/QĐ-BTP	
XII		**Lĩnh vực Quản tài viên**			
91	1	1.014966	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp bị thu hồi chứng chỉ hành nghề	813/QĐ-BTP	
92	2	1.014965	Thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp thôi hành nghề Quản tài viên theo nguyện vọng cá nhân	813/QĐ-BTP	
93	3	2.001117	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp chứng chỉ bị mất hoặc bị hư hỏng không thể sử dụng được	813/QĐ-BTP	
94	4	1.002626	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	813/QĐ-BTP	
95	5	1.002681	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với người đề nghị là luật sư nước ngoài, kiểm toán viên là người nước ngoài	813/QĐ-BTP	
96	6	1.0016	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	813/QĐ-BTP	
XIII		**Lĩnh vực Quốc tịch**			
97	1	2.001895	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	3713/QD-BTP	
98	2	2.002039	Nhập quốc tịch Việt Nam ở trong nước	3713/QD-BTP	
99	3	2.002036	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	3713/QD-BTP	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
100	4	2.002038	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	3713/QD-BTP	
101	5	1.005136	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	3713/QD-BTP	
XIV		**Lĩnh vực Thi hành án dân sự**			
102	1	1.003091	Yêu cầu thi hành án dân sự	630/QĐ-BTP	
103	2	1.00227	Xác nhận kết quả thi hành án	1162/QĐ-BTP	
XV		**Lĩnh vực Thừa hành viên**			
104	1	1.008928	Cấp lại Thẻ Thừa hành viên	1444/QĐ-BTP	
105	2	1.008926	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa hành viên	1444/QĐ-BTP	
106	3	1.008927	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa hành viên	1444/QĐ-BTP	
107	4	1.008923	Miễn nhiệm Thừa hành viên	1444/QĐ-BTP	
108	5	1.008924	Bổ nhiệm lại Thừa hành viên	1444/QĐ-BTP	
109	6	1.008922	Bổ nhiệm Thừa hành viên	1444/QĐ-BTP	
110	7	1.008921	Công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên	1444/QĐ-BTP	
111	8	1.008925	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa hành viên	1444/QĐ-BTP	
XVI		**Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý**			
112	1	2.00097	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	1170/QD-BTP	
113	2	2.000954	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	1540/QĐ-BTP	
114	3	2.00084	Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	172/QĐ-BTP	
115	4	2.000596	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	1540/QĐ-BTP	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
116	5	1.001233	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	172/QĐ-BTP	
XVII		**Lĩnh vực Trọng tài thương mại**			
117	1	2.000819	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	1241/QĐ-BTP	
118	2	2.000822	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	1241/QĐ-BTP	
119	3	1.008889	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	1241/QĐ-BTP	
120	4	1.008905	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1241/QĐ-BTP	
121	5	1.008886	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	1241/QĐ-BTP	
122	6	1.008906	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	1241/QĐ-BTP	
123	7	1.008890	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	1241/QĐ-BTP	
124	8	1.008888	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	1856/QĐ-BTP	

Stt		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
125	9	1.008904	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	1241/QĐ-BTP	
126	10	1.008887	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	1856/QĐ-BTP	
127	11	1.008885	Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài	1856/QĐ-BTP	
128	12	1.001609	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	1241/QĐ-BTP	
129	13	1.001248	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	1241/QĐ-BTP	
XVIII		**Lĩnh vực Tư vấn pháp luật**			
130	1	1.000627	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	516/QĐ-BTP	
131	2	1.000614	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	516/QĐ-BTP	
132	3	1.000588	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	516/QĐ-BTP	
133	4	1.000426	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	1853/QĐ-BTP	
134	5	1.000390	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	516/QĐ-BTP	
135	6	1.000404	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	516/QĐ-BTP	